

# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 29/7/2024 - 2/8/2024

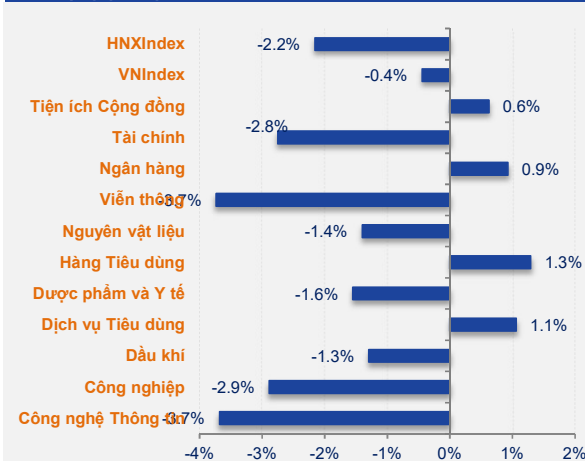
## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thông kê thị trường</b>				
Index	1,236.60 ↓	-0.4%	231.56 ↓	-2.2%
KLGD (trCP)	3,249.29 ↑	4.2%	331.55 ↑	17.4%
GTGD (tỷ VND)	80,339.53 ↓	-0.2%	6,455.62 ↑	8.1%
Tổng cung (trCP)	9,165.50 ↓	-18.9%	483.35 ↑	8.6%
Tổng cầu (trCP)	8,565.39 ↓	-42.2%	421.84 ↑	7.6%

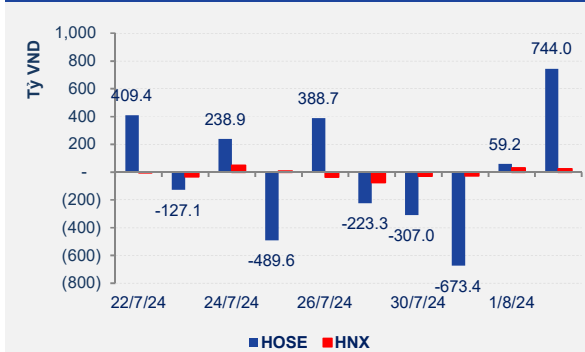
### Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	243.16 ↓	-18.3%	9.36 ↓	-19.4%
KL bán (trCP)	300.59 ↑	8.1%	11.33 ↓	-10.5%
GT mua (tỷ VND)	8,713.81 ↓	-8.0%	258.87 ↓	-30.9%
GT bán (tỷ VND)	9,114.31 ↑	0.7%	335.35 ↓	-13.5%

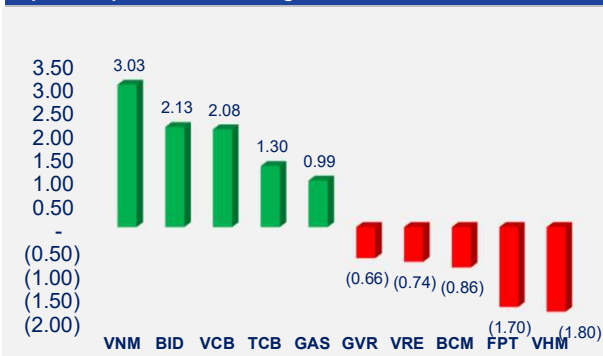
### Biến động giá Ngành theo Tuần



### Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



### Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tâm điểm phiên giao dịch cuối tuần này là việc UBCKNN và UBCK Australia (ASIC) ký kết Biên bản Ghi nhớ hợp tác. Sau Lễ ký kết, hai cơ quan sẽ tiếp tục tăng cường trao đổi các đoàn lãnh đạo cấp cao, cũng như các đoàn cán bộ chuyên môn kỹ thuật, triển khai thiết thực các chương trình đào tạo, tập huấn, tăng cường trao đổi thông tin hỗ trợ công tác quản lý và giám sát thị trường. Đặc biệt là theo chương trình dự kiến từ nay đến hết năm 2024, ASIC sẽ hỗ trợ tổ chức các chương trình nâng cao năng lực cho các cán bộ của UBCKNN, phối hợp tổ chức cho đoàn công tác của UBCKNN sang chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm từ ASIC và các đối tác có liên quan của Australia.

Trở lại với thị trường, sau tuần giao dịch giảm điểm trước đó, VN-INDEX có sự hồi phục những phiên đầu tuần, điểm nhấn đến từ 2 phiên cuối tuần khi phiên ngày thứ 5 giảm -24,55 điểm, nhưng phiên thứ 6 phục hồi +9,64 điểm. Tổng kết tuần, VN-INDEX giảm -5,51 điểm (-0,44%) tại mốc 1.236,6 điểm. HNX-INDEX kết tuần tại mốc 231,56 điểm (-5,1 điểm, tương ứng -2,15%). Độ rộng thị trường phiên cuối tuần tích cực nghiêng về bên mua với 203 cổ phiếu tăng giá, 124 cổ phiếu giảm giá, 47 cổ phiếu tham chiếu tại HOSE. HNX giao dịch với 91 cổ phiếu tăng giá, 53 cổ phiếu tham chiếu và 69 cổ phiếu giảm giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn tuần này cải thiện hơn so với tuần giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh +8,95% tại HOSE và +18,9% tại HNX. Khối ngoại tuần này đã quay trở lại bán ròng với trên HOSE -400,506 tỷ đồng tiếp tục tập trung tại mã VHM (-120 tỷ), bán ròng mã VIC (-994,9 tỷ), CTG (-145,5 tỷ) và PDR (-119,5 tỷ)... ở chiều ngược lại, mua ròng VNM (+990,3 tỷ), MWG (+259,6 tỷ)... Cùng với đó, bán ròng tuần này từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với -76,473 tỷ đồng, tập trung tại các mã PVS (-49,1 tỷ), MBS (-21,3 tỷ) và NTP (-15,8 tỷ), chiều mua ròng nổi bật với IDC (+18,2 tỷ), TNG (+7,4 tỷ), CEO (+4,3 tỷ)...

Nhóm ngành tích cực góp phần cho sự tăng điểm của thị trường tuần này là Thực Phẩm và Đồ Uống tiêu biểu là mã VNM (+8,66%), HAG (+0,41%)...

Nhóm Dầu Khí phản ứng trước căng thẳng Trung Đông giữa Iran và Israel với sắc xanh đến từ cổ phiếu BSR (+1,82%), PVC (+0,72%), OIL (+2,76%)... Nhóm Ngân Hàng tích cực đóng góp cho điểm số với VPB (+1,9%), TCB (+3,3%), SSB (+2,96%), NAB (+5,9%), BID (+3,24%), VCB (+1,6%)...

Ghi nhận trong tuần này, một số ngành khác chứng kiến nhiều mã giảm điểm như ngành Viễn Thông với VGI (-11,69%), ABC (-4,48%), MFS (-6,67%), TTN (-6,59%)... nhóm ngành Chứng Khoán tuy có phiên cuối tuần phục hồi nhưng tổng kết tuần trong sắc đỏ với SSI (-2,65%), VCI (-3,66%), HCM (-3,35%), VND (-3,17%), MBS (-4,52%) ... Đa số cổ phiếu ngành Hóa Chất và Phân Bón có một tuần giao dịch giảm điểm, cụ thể là DGC (-5,39%), CSV (-0,13%), DPM (-0,85%), DDV (-3,31%)... Nhóm cổ phiếu Thép diễn biến kém tích cực với thông tin EU điều tra chống bán phá giá, cụ thể cổ phiếu HPG (-0,73%), NKG (-6,64%), HSG (-7,34%), TLH (-14,23%), SMC (-18,28%)... Cổ phiếu họ Vingroup có diễn biến phân hóa với VHM (-4,64%), VRE (-6,99%) tuy nhiên VIC (+0,96%) cùng thông tin công bố giá pin VF 3 và các dòng xe VinFast.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2408 tuần này -9,1 điểm (-0,71%), đóng cửa tại 1.275,90 điểm. Chênh lệch -5,91 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn là VN30F2409 VN30F2412 VN30F2503 chênh lệch từ -0,01 điểm đến -4,11 điểm so với VN30. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch -5,9% so với tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 tuần. Xu hướng tuần tới của VN30F2408 khả năng kiểm định lại kháng cự mạnh 1.280 điểm. Khối lượng mở OI kết tuần này là 55.375 so với tuần gần nhất là 66.571 cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.

# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 29/7/2024 - 2/8/2024



VN-INDEX trải qua tuần giao dịch nhiều biến động mạnh, khi 03 phiên cuối tháng 7 tiếp tục phục hồi lên vùng giá 1.255 điểm, sau đó bất ngờ chịu áp lực bán rất đột biến trong phiên giao dịch đầu tháng 8/2024. Phiên cuối tuần VN-INDEX tiếp tục điều chỉnh về vùng giá 1.200 điểm -1.211 điểm (vùng hỗ trợ tâm lý mạnh, là vùng giá cao nhất năm 2018, cũng như giá trung bình 01 năm và 05 năm hiện nay) mới phục hồi trở lại. Kết thúc tuần VN-INDEX giảm -0,44% so với tuần trước về mức 1.236,6 điểm, dưới vùng kháng cự 1.245 điểm -1.255 điểm giá cao nhất năm 2023. Trong khi VN30 giảm nhẹ -0,06% về mức 1.281,01 điểm, duy trì trên vùng giá cao nhất năm 2023 tương ứng 1.260 điểm - 1.268 điểm.

Xu hướng ngắn hạn của VN-INDEX vẫn kém tích cực sau khi phục hồi kiểm tra lại không thành công vùng kháng cự quanh 1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm cũng như đường xu hướng ngắn trung hạn nối các vùng giá thấp nhất tháng 11/2023, 04/2024 và 07/2024 kéo dài, dẫn đến áp lực bán mạnh. Hiện tại vùng kháng cự mạnh của VN-INDEX là 1.255 điểm và hỗ trợ là giá thấp nhất 1218,7 điểm ngày 24/07/2024. Diễn biến trong 02 phiên giao dịch gần đây khi VN-INDEX điều chỉnh về 1.209 điểm và phục hồi vượt lên giá thấp nhất ngày 24/07/2024, với rất nhiều mã chịu áp lực bán mạnh khá đột biến và phục hồi tốt trở lại, nhất là các mã cơ bản tốt, có kết quả kinh doanh quý II tăng trưởng tốt, cho thấy những biến động mạnh trong 02 phiên này, có nhiều tính chất rũ bỏ ngắn hạn đối với các vị thế đầu cơ, đòn bẫy cao... và mở ra nhiều vị thế tích lũy cổ phiếu chất lượng tốt.

Xu hướng trung hạn VN-INDEX tích lũy kém tích cực, khi không giữ được đường xu hướng giá kéo dài từ tháng 11/2023 đến nay, cũng như vùng giá cân bằng 1.245 điểm -1.255 điểm của kênh giá 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm - 1.320 điểm. Qua đó VN-INDEX chuyển sang tích lũy trong vùng 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.245 điểm - 1.255 điểm, với 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.245 điểm - 1.255 điểm là vùng giá cao nhất năm 2023. Vùng giá cân bằng của kênh tích lũy này là 1.220 điểm. Nếu VN-INDEX có thể vượt lên lại kháng cự quanh 1.255 điểm thì vẫn kỳ vọng xu hướng trung hạn quay trở lại kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm.

Trong ngắn hạn, thị trường bắt đầu tháng 8 với khoảng trống thông tin về doanh nghiệp sau báo cáo quý II đã công bố. Do đó thị trường sẽ phụ thuộc lớn vào triển vọng tăng trưởng của các doanh nghiệp vốn hóa lớn, tăng trưởng GDP. Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, mức trung bình và xem xét cơ cấu giảm tỉ trọng các mã có kết quả kinh doanh quý II/2024 không như kỳ vọng, phạm mức dừng lỗ nếu có, để cơ cấu sang các doanh nghiệp đầu ngành, cơ bản tốt, có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt, vượt kỳ vọng. Đối với các vị thế giải ngân mới có thể xem xét giải ngân ở mức giá hợp lý đối với các doanh nghiệp đầu ngành, cơ bản tốt, dựa trên kết quả tăng trưởng quý II và kỳ vọng tăng trưởng tốt trong cuối năm. Với chỉ số VN-INDEX nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ thoát khỏi xu hướng tích lũy ngắn trung hạn kéo dài hiện nay, trước khi có các quyết định mới. Chúng tôi cũng đã mở rộng, cơ cấu danh mục theo dõi giải ngân đối với các trường hợp tỉ trọng dưới mức trung bình trong những bản tin ngày.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## WEEKLY WRAP

Tuần GD:

29/7/2024

-

2/8/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PLX	47.50	41-42	54-55	38	16.5	12.3%	47.5%	Theo dõi giải ngân
LHG	38.85	36.5-37	44-45	35	10.1	142.7%	178.7%	Theo dõi giải ngân
FPT	123.20	115-120	137-140	110	25.2	22.1%	24.2%	Theo dõi giải ngân
HDG	27.45	26.5-27.5	31-32	24	13.8	-7.4%	110.0%	Theo dõi giải ngân
PVD	27.90	26-27	30-31	24	24.3	59.8%	-17.0%	Theo dõi giải ngân
BSR	22.10	21-22	27-28	20	9.2	-27.4%	-42.8%	Theo dõi giải ngân
VNM	71.50	68.5-69.5	83-85	64	15.4	9.6%	21.5%	Theo dõi giải ngân
BVS	34.50	28-30	35-36	29	13.0	33.5%	-40.2%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	CLX	15.12	16.8	26-28	15.5	-10.0%	Nắm giữ
18/7/2024	DPM	35.00	35.2	40-41	33.5	-0.6%	Nắm giữ
24/7/2024	POW	13.80	12.8	14.4-14.8	12.5	7.8%	Nắm giữ

## TIN VĨ MÔ

**NHTW Anh cắt giảm lãi suất lần đầu tiên kể từ năm 2020**

Với tỷ lệ 5 ủng hộ, 4 phản đối, các nhà hoạch định chính sách của Ủy ban Chính sách Tiền tệ, Ngân hàng Trung ương Anh đã thông qua việc cắt giảm lãi suất từ 5,25% xuống còn 5%. Thống đốc BOE Andrew Bailey cho biết việc giảm lãi sẽ được tiến hành một cách thận trọng. Trước đợt cắt giảm này, mức lãi suất cao nhất 16 năm đã được BOE duy trì từ tháng 8/2023.

**Bộ trưởng Bộ KH&ĐT: Thương mại đầu tư Việt Nam - Ấn Độ sẽ tăng lên mạnh mẽ**

"Tôi cho rằng chưa khai thác hết các tiềm năng lợi thế của thị trường Ấn Độ và Việt Nam", ông Dũng nói thêm. Năm 2016, tại Hội nghị thượng đỉnh G20, Thủ tướng Ấn Độ đã tuyên bố coi Việt Nam là đối tác quan trọng trong chiến lược hướng đông của Ấn Độ. Theo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, còn rất nhiều dư địa, tiềm năng hợp tác giữa 2 nước. Về khả năng của doanh nghiệp Ấn Độ, ông Dũng cho biết, họ rất mạnh về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp sinh học, dược phẩm, năng lượng, chế biến chế tạo, nông nghiệp. "Nếu nền kinh tế 2 nước mà bổ sung cho nhau thì sẽ xây dựng chuỗi giá trị cao, không những phục vụ được cho thị trường Ấn Độ, thị trường Việt Nam mà còn mở rộng tham gia vào thị trường toàn cầu, đây cũng là hướng đi mà hai Thủ tướng gợi mở thông qua chuyến thăm cấp nhà nước lần này", Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng thông tin.

**Hà Nội: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 7 tháng đầu năm 2024 tăng 5,36%**

Theo Cục Thống kê Hà Nội, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2024 trên địa bàn Hà Nội tăng 0,51% so với tháng trước và tăng 5,51% so với cùng kỳ năm 2023. CPI bình quân 7 tháng năm 2024 tăng 5,36% so với bình quân cùng kỳ năm 2023.

Trong 7 tháng đầu năm 2024, có 10/11 nhóm hàng có chỉ số CPI tăng so với cùng kỳ năm trước. Một số mặt hàng tăng mạnh như nhóm giáo dục tăng 30,58% do 3 tháng đầu năm các trường công lập trên địa bàn Hà Nội áp dụng mức thu học phí theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 4/7/2023 của HĐND thành phố; đồng thời một số trường dân lập, tư thục cũng áp dụng mức tăng thu học phí trong năm học 2023-2024. Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,19%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,28%. Thuốc và dịch vụ y tế tăng 4,15%. Một số hàng hóa tiêu dùng như mũ nón, giày dép, may mặc tăng 1,9%....Riêng đối với nhóm bưu chính viễn thông có chỉ số giảm 1,38%.

**Số lượng cảnh báo với nông sản Việt Nam từ EU tăng bất thường**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, thông báo thay đổi và dự thảo các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật (SPS) của EU trong 6 tháng đầu năm 2024 tăng gần 20%, nhiều nhất trong các đối tác thương mại nông sản của Việt Nam. Ngược lại, một số thị trường như Trung Quốc gần như không có thông báo nào.

Ông Lương Ngọc Quang - Phòng Hợp tác quốc tế & Truyền thông Cục Bảo vệ thực vật (BVTV), Bộ NN&PTNT cho biết, các quy định SPS trong Hiệp định RCEP dựa trên 6 tiêu chí, gồm: Tuân thủ quy định quốc tế, đánh giá rủi ro dựa trên khoa học, minh bạch, khuyến khích các phương pháp công nhận lẫn nhau, hợp tác và ứng dụng công nghệ trong chứng nhận.



**TIN DOANH NGHIỆP****MWG: Cổ đông lớn nước ngoài giảm sở hữu tại MWG**

Nhóm nhà đầu tư nước ngoài là cổ đông lớn của MWG đã giảm sở hữu tại doanh nghiệp niêm yết này sau khi 3 trong số 9 thành viên bán ra tổng cộng 1,96 triệu cổ phiếu MWG. Cụ thể, KB Vietnam Focus Balanced Fund đã bán ra 60.000 cổ phiếu MWG, giảm sở hữu xuống 0,0575%; Norges Bank đã bán ra 800.000 cổ phiếu MWG, giảm sở hữu xuống 1,771%; Wareham Group Limited đã bán ra 1,1 triệu cổ phiếu MWG, giảm sở hữu xuống 1,3531%. Các giao dịch này được thực hiện vào ngày 30/7.

**KSB: Thu nhập giảm, chi phí tăng, lợi nhuận sụt giảm mạnh**

Quý 2/2024, Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (Bimico, HOSE: KSB) báo lợi nhuận sau thuế đạt 12,1 tỷ đồng, giảm mạnh 74% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp cũng ghi nhận dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và đầu tư âm. Các chi phí của KSB tăng mạnh trong kỳ vừa qua. Trong đó, chi phí tài chính; chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt 40%; 208%; 50% so với cùng kỳ năm 2023. Tại thời điểm kết thúc quý 2/2024, tổng tài sản của KSB đang ở mức 4.556,6 tỷ đồng, tăng 280 tỷ đồng so với hồi đầu năm. Trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền đạt 66,6 tỷ đồng, giảm 36% so với cùng kỳ.

**OIL: Quý 2 doanh thu tăng hơn 50%, lợi nhuận giảm gần 50%**

Theo đó, doanh thu OIL tăng mạnh 56% lên 34.757 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá vốn cũng tăng mạnh 58,5%, lên gần 33.676 tỷ đồng. Do vậy, lãi gộp đi ngang, đạt 1.080 tỷ đồng. Doanh thu tài chính trong kỳ đi lùi 29% còn 169 tỷ đồng. Trong kỳ, chi phí bán hàng tiếp tục neo cao với 721 tỷ đồng, tăng 10%; chi phí tài chính tăng 41% lên 145 tỷ đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 20% xuống 261,5 tỷ đồng. Sau cùng, doanh nghiệp lãi ròng 79 tỷ đồng, giảm 49% so với cùng kỳ năm 2023. Giải trình kết quả kinh doanh, PVOIL cho biết thời gian điều hành giá cơ sở được điều chỉnh từ 10 ngày/lần (quý II/2023) xuống còn 7 ngày/lần (quý II/2024). Do vậy, dù giá xăng dầu thế giới biến động theo hướng giảm như cùng kỳ nhưng tốc độ giảm giá bán tại kỳ này diễn ra nhanh hơn, khiến lãi gộp hẹp đi đáng kể.

**HNG: HAGL Agrico đạt mục tiêu lợi nhuận năm 2028 đạt 2.450 tỷ đồng**

Trong văn bản công bố, HNG cho biết theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024, công ty dự kiến trồng mới 1.533 ha chuối, chăm sóc và khai thác 6.328 ha cao su; đầu tư chuồng trại, cánh đồng cỏ và nhập khẩu 5.800 con bò cái. Theo đó, doanh thu thuần ước đạt 694 tỷ đồng và lỗ trước thuế 120 tỷ đồng. HAGL Agrico đã được Chính phủ Lào chấp thuận chủ trương đầu tư dự án sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, Lào. Dự án có quy mô diện tích đất 27.384 ha, tổng vốn đầu tư 18.090 tỷ đồng, thời gian hoàn thiện đầu tư dự án từ năm 2024 đến năm 2028. Doanh thu năm 2028 ước tính đạt 13.500 tỷ đồng, lợi nhuận dự kiến 2.450 tỷ đồng.



## HOSE

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VNM	14,086,448	VIC	(22,072,085)
2	MWG	4,116,206	VIX	(7,801,944)
3	MSN	3,093,694	PDR	(6,241,064)
4	NVL	2,480,754	HBC	(5,514,426)
5	BID	2,177,630	CTG	(4,586,109)

## HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	313,637	PVS	(1,189,500)
2	TNG	305,800	MBS	(651,300)
3	CEO	289,201	LAS	(343,600)
4	TVC	171,700	NTP	(263,300)
5	PLC	157,800	HUT	(212,200)

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	13.80	11.50	↓ -16.67%	152,162,100
MBB	24.30	23.80	↓ -2.06%	109,913,380
HPG	27.45	27.25	↓ -0.73%	106,020,840
SHB	11.10	10.85	↓ -2.25%	92,450,066
VPB	18.40	18.75	↑ 1.90%	89,603,226

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	16.80	15.10	↓ -10.12%	55,157,378
MBS	31.00	27.90	↓ -10.00%	19,237,774
CEO	15.30	14.60	↓ -4.58%	19,208,776
TNG	24.70	24.70	⇒ 0.00%	16,995,262
PVS	41.80	40.00	↓ -4.31%	14,906,537

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ADP	32.90	37.35	4.5	↑ 13.53%
FUCTVGF3	12.05	13.55	1.5	↑ 12.45%
VPH	8.63	9.63	1.0	↑ 11.59%
VNG	8.40	9.36	1.0	↑ 11.43%
VNM	65.80	71.50	5.7	↑ 8.66%

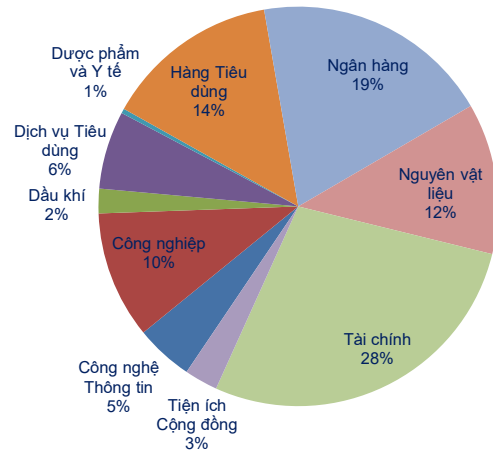
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSV	36.30	47.80	11.5	↑ 31.68%
VC6	20.00	24.20	4.2	↑ 21.00%
DC2	8.20	9.40	1.2	↑ 14.63%
PPP	16.00	17.90	1.9	↑ 11.88%
TFC	20.40	22.50	2.1	↑ 10.29%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HBC	7.25	5.51	-1.7	↓ -24.00%
LDG	2.25	1.83	-0.4	↓ -18.67%
AGM	3.53	2.88	-0.7	↓ -18.41%
SMC	13.95	11.40	-2.6	↓ -18.28%
VIX	13.80	11.50	-2.3	↓ -16.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	31.70	23.00	-8.7	↓ -27.44%
TXM	9.00	6.60	-2.4	↓ -26.67%
TMB	89.00	71.40	-17.6	↓ -19.78%
DTC	5.30	4.30	-1.0	↓ -18.87%
DST	4.00	3.30	-0.7	↓ -17.50%

(\*) Giá điều chỉnh

**THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**
**Giá trị giao dịch tuần theo Ngành**

**P/E và Thị Trường**

**Top KLGD lớn nhất HOSE**

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	152,162,100	7.6%	840	13.3	1.0
MBB	109,913,380	21.6%	4,074	5.7	1.2
HPG	106,020,840	10.7%	1,746	15.3	1.6
SHB	92,450,066	15.6%	2,237	4.9	0.7
VPB	89,603,226	8.7%	1,529	12.1	1.1

**Top KLGD lớn nhất HNX**

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	55,157,378	5.7%	688	22.0	1.1
MBS	19,237,774	14.4%	1,687	16.5	2.3
CEO	19,208,776	2.6%	304	48.1	1.3
TNG	16,995,262	13.9%	2,074	11.9	1.7
PVS	14,906,537	6.8%	1,931	20.7	1.4

**Top Đột biến giá HOSE**

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ADP	↑ 13.5%	32.0%	3,976	9.4	3.2
FUCTVGF3	↑ 12.4%	N/A	N/A	N/A	N/A
VPH	↑ 11.6%	-3.4%	-354	-	0.9
VNG	↑ 11.4%	0.3%	33	278.0	0.8
VNM	↑ 8.7%	27.0%	4,636	15.2	3.8

**Top Đột biến giá HNX**

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSV	↑ 31.7%	21.1%	3,181	15.0	2.9
VC6	↑ 21.0%	19.7%	2,914	8.3	1.5
DC2	↑ 14.6%	3.5%	378	24.9	0.9
PPP	↑ 11.9%	13.8%	2,018	8.9	1.2
TFC	↑ 10.3%	34.7%	5,240	4.3	1.4

**Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE**

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	14,086,448	27.0%	4,636	15.2	3.8
MWG	4,116,206	8.9%	1,507	41.2	3.4
MSN	3,093,694	1.7%	488	147.1	2.2
NVL	2,480,754	4.9%	1,124	10.0	0.5
BID	2,177,630	18.1%	4,006	11.7	2.0

**Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX**

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	313,637	30.1%	5,573	10.3	3.1
TNG	305,800	13.9%	2,074	11.9	1.7
CEO	289,201	2.6%	304	48.1	1.3
TVC	171,700	13.9%	2,198	4.5	0.6
PLC	157,800	4.6%	728	34.8	1.7

**Top Vốn hóa HOSE**

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	506,931	19.5%	5,962	15.2	2.8
BID	266,780	18.1%	4,006	11.7	2.0
FPT	182,264	23.2%	4,889	25.5	5.6
GAS	181,213	16.4%	4,760	16.6	2.6
HPG	170,780	10.7%	1,746	15.3	1.6

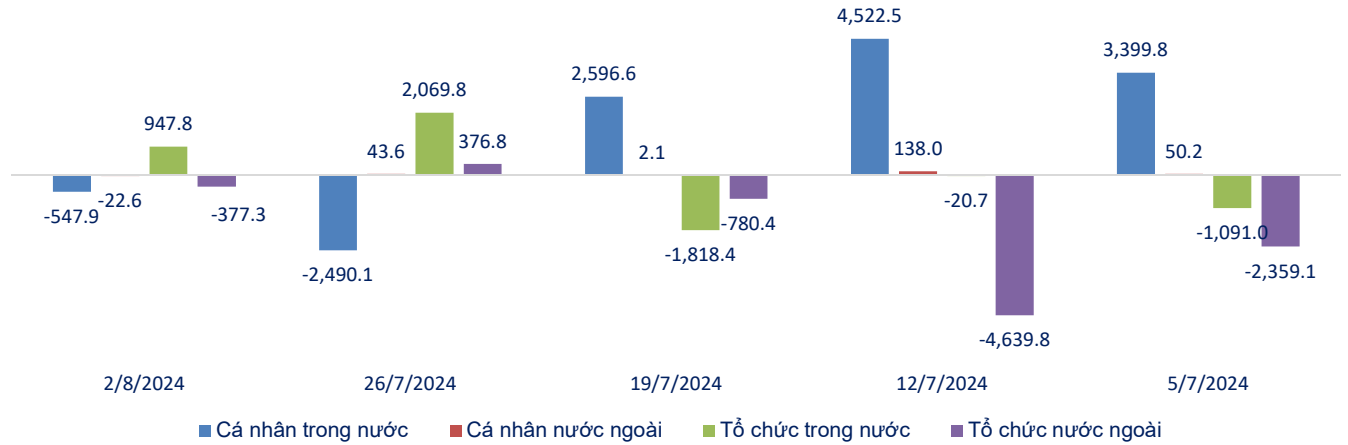
**Top Vốn hóa HNX**

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	19,119	6.8%	1,931	20.7	1.4
IDC	18,876	30.1%	5,573	10.3	3.1
HUT	14,816	0.5%	71	234.3	1.3
THD	13,513	3.0%	450	78.0	3.2
PVI	12,415	0.5%	183	289.7	1.4



## GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	954.54	2.4%	956	44.0	1.0
FPT	633.51	23.2%	4,889	25.5	5.6
HAH	175.57	10.5%	2,709	14.6	1.4
SSI	124.97	12.0%	1,892	16.0	1.8
PDR	113.12	5.0%	677	26.1	1.4

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-966.38	27.0%	4,636	15.2	3.8
MWG	-334.67	8.9%	1,507	41.2	3.4
VCB	-269.34	19.5%	5,962	15.2	2.8
MSN	-252.86	1.7%	488	147.1	2.2
PNJ	-218.65	20.3%	6,195	15.8	3.1

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	4.79	11.7%	1,975	9.2	1.0
MWG	3.22	8.9%	1,507	41.2	3.4
CTG	3.02	15.7%	3,782	8.3	1.2
RAL	2.88	20.7%	26,472	5.5	1.1
NVL	2.46	4.9%	1,124	10.0	0.5

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-21.79	27.0%	4,636	15.2	3.8
TCB	-8.68	16.0%	3,048	7.5	1.2
DXG	-8.51	1.2%	272	47.9	0.6
SSI	-4.25	12.0%	1,892	16.0	1.8
STB	-4.08	17.6%	4,340	6.5	1.1

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	221.31	20.3%	6,195	15.8	3.1
MBB	194.29	21.6%	4,074	5.7	1.2
TCB	181.35	16.0%	3,048	7.5	1.2
GEX	172.13	4.9%	1,246	17.3	0.8
REE	165.15	8.6%	3,806	17.8	1.5

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-646.90	23.2%	4,889	25.5	5.6
HAH	-105.71	10.5%	2,709	14.6	1.4
HPG	-105.45	10.7%	1,746	15.3	1.6
VGC	-71.36	8.2%	1,776	24.3	2.0
BCM	-43.48	14.5%	2,674	25.4	3.5

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	1,012.04	27.0%	4,636	15.2	3.8
MWG	256.35	8.9%	1,507	41.2	3.4
MSN	228.76	1.7%	488	147.1	2.2
VCB	200.65	19.5%	5,962	15.2	2.8
BID	103.78	18.1%	4,006	11.7	2.0

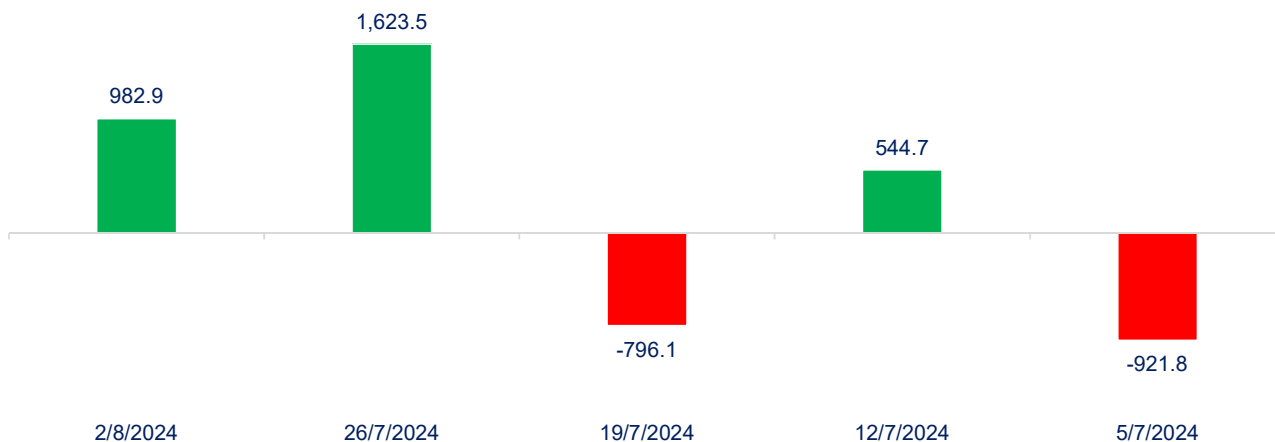
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-994.30	2.4%	956	44.0	1.0
CTG	-148.35	15.7%	3,782	8.3	1.2
VHM	-120.70	12.1%	5,325	6.8	0.8
PDR	-120.01	5.0%	677	26.1	1.4
SSI	-105.54	12.0%	1,892	16.0	1.8

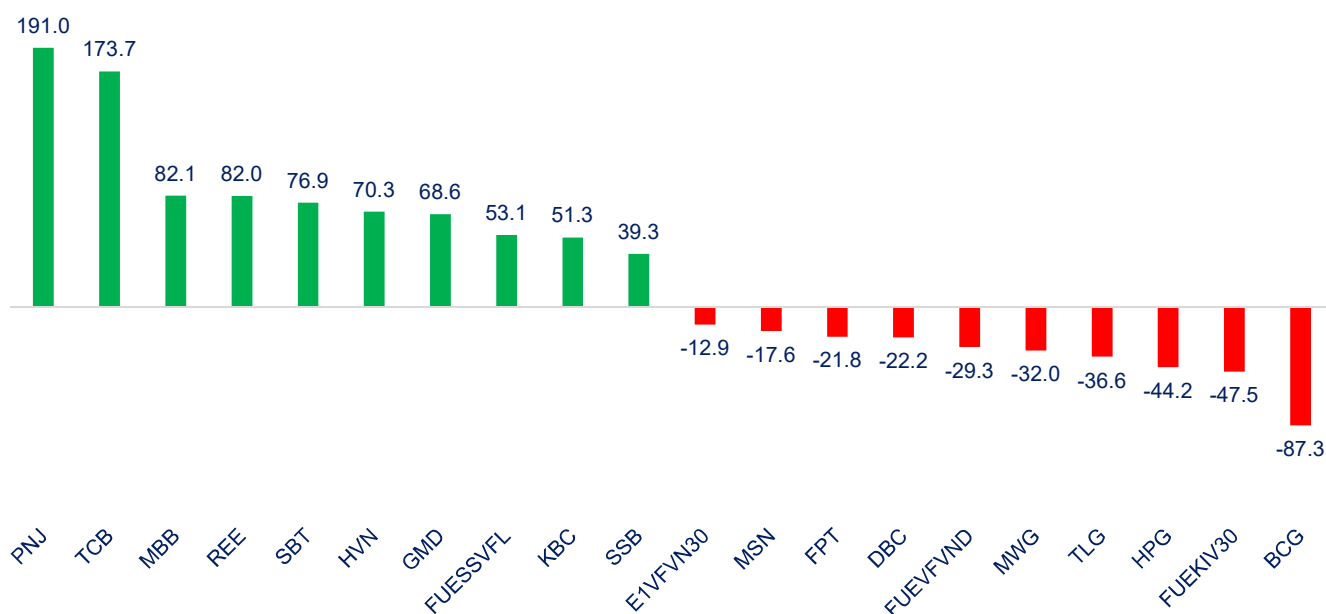


**GIAO DỊCH TỰ DOANH**

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
14/3/2024	2/8/2024	1/4/2024	29/3/2024	<b>A32</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
15/5/2024	2/8/2024	29/5/2024	28/5/2024	<b>DST</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/6/2024	2/8/2024	10/7/2024	9/7/2024	<b>HT1</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
27/6/2024	2/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>TIP</b>	Giao dịch nội bộ
1/7/2024	2/8/2024	18/7/2024	17/7/2024	<b>VNF</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/7/2024	2/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>BTV</b>	Giao dịch nội bộ
11/7/2024	2/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>TA3</b>	Tạm dừng Niêm yết
15/7/2024	2/8/2024	24/7/2024	23/7/2024	<b>ABI</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/7/2024	2/8/2024	5/8/2024	2/8/2024	<b>TRS</b>	Phát hành cổ phiếu
24/7/2024	2/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>DMS</b>	Giao dịch nội bộ
3/7/2024	5/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>LPB</b>	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên qua
5/7/2024	5/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>REE</b>	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
10/7/2024	5/8/2024	19/7/2024	18/7/2024	<b>VC6</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/7/2024	5/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>SIV</b>	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên qua
19/7/2024	5/8/2024	24/7/2024	23/7/2024	<b>CCR</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/7/2024	5/8/2024	25/7/2024	24/7/2024	<b>NUE</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/5/2024	6/8/2024	29/5/2024	28/5/2024	<b>LMH</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
19/6/2024	6/8/2024	1/7/2024	28/6/2024	<b>CDG</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/7/2024	6/8/2024	16/7/2024	15/7/2024	<b>TUG</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/7/2024	6/8/2024	19/7/2024	18/7/2024	<b>BTU</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/7/2024	6/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>BCGLAND</b>	Giao dịch nội bộ
4/7/2024	6/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>HTN</b>	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
3/7/2024	6/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>CLW</b>	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
3/7/2024	6/8/2024	2/8/2024	2/8/2024	<b>DBD</b>	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy  
[duy.vt@shs.com.vn](mailto:duy.vt@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, 235  
Đông Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---